

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ XÉT MIỄN GIẢM HỌC PHẦN NĂM HỌC 2025 - 2026

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
1. Khoa: Công nghệ cơ khí										
1	2006250159	Nguyễn Hồng	Ngọc	16DHCBS07	Vẽ kỹ thuật	3	Vẽ kỹ thuật	2	5,0	Được miễn giảm
2. Khoa: Công nghệ thông tin										
1	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông	3	Kỹ năng ứng dụng CNTT	3	8,5	Được miễn giảm
2	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Nhập môn Công nghệ thông tin	3	Kỹ năng ứng dụng CNTT	3	8,3	Được miễn giảm
3	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	2	4,1	Được miễn giảm
4	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Công nghệ Java	3	Công nghệ Java	3	5,4	Được miễn giảm
5	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Đồ họa ứng dụng	3	Đồ họa ứng dụng	3	4,2	Được miễn giảm
6	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Hệ điều hành	3	Hệ điều hành	3	4,8	Được miễn giảm
7	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Kiến trúc máy tính	3	Kiến trúc máy tính	3	5,6	Được miễn giảm
8	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Lập trình mã nguồn mở	3	Lập trình mã nguồn mở	3	4,8	Được miễn giảm
9	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Mạng máy tính	3	Mạng máy tính	3	5,1	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
10	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Thực hành cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	Thực hành cấu trúc dữ liệu và giải thuật	2	5,5	Được miễn giảm
11	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Thực hành lập trình hướng đối tượng	1	Thực hành lập trình hướng đối tượng	1	6,8	Được miễn giảm
12	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Thực hành mạng máy tính	1	Thực hành mạng máy tính	1	7,5	Được miễn giảm
13	2033230294	Đào Gia	Thịnh	14DHDB01	Kỹ năng ứng dụng CNTT	3	Kỹ năng ứng dụng CNTT	3	5,2	Được miễn giảm
14	2001221011	Trương Minh	Thoại	13DHTH01	Lập trình cơ bản với C	3	Nguyên lý cơ bản lập trình	2	7,8	Được miễn giảm
15	2001221011	Trương Minh	Thoại	13DHTH01	Thiết kế Web Thực hành thiết kế Web	2 1	Thiết kế web	3	8,1	Được miễn giảm
16	2001221011	Trương Minh	Thoại	13DHTH01	Thực hành cơ sở dữ liệu 1	1	Thực hành cơ sở dữ liệu	1	6,0	Được miễn giảm
17	2001221011	Trương Minh	Thoại	13DHTH01	Thực hành mạng máy tính	1	Thực hành mạng máy tính	1	9,0	Được miễn giảm
3. Khoa: Công nghệ thực phẩm										
1	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Công nghệ sau thu hoạch	2	Công nghệ sau thu hoạch	2	8,4	Được miễn giảm
2	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Hóa sinh học thực phẩm	2	Hóa sinh học thực phẩm	2	6,9	Được miễn giảm
3	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Nhập môn công nghệ thực phẩm	1	Nhập môn công nghệ thực phẩm	1	8,5	Được miễn giảm
4	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Phụ gia thực phẩm	2	Phụ gia thực phẩm	2	4,6	Được miễn giảm
5	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Tiếng anh chuyên ngành CNTP	2	Tiếng anh chuyên ngành CNTP	2	5,4	Được miễn giảm
6	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Thí nghiệm hóa học và hóa sinh học TP	1	Thí nghiệm hóa học và hóa sinh học TP	1	7,7	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
7	2022250134	Trần Thảo	Nguyễn	16DHDB04	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	4,1	Được miễn giảm
8	2022250134	Trần Thảo	Nguyễn	16DHDB04	Vi sinh vật học thực phẩm	3	Vi sinh vật học thực phẩm (CNTPT)	2	6,1	Được miễn giảm
4. Khoa: Du lịch và Ẩm thực										
1	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Kỹ năng giao tiếp	2	Kỹ năng giao tiếp	2	7,7	Được miễn giảm
2	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Phương pháp học đại học	3	Kỹ năng học tập đại học	2	7,7	Được miễn giảm
3	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Tâm lý khách du lịch	2	Tâm lý khách du lịch	2	7,4	Được miễn giảm
4	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Tổng quan quản trị khách sạn	2	Nhập môn Quản trị khách sạn	2	7,8	Được miễn giảm
5	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Trải nghiệm ngành, nghề	1	Kiến tập ngành Quản trị khách sạn	1	9,0	Được miễn giảm
6	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	3	Ứng dụng thương mại điện tử trong du lịch	2	9,3	Được miễn giảm
7	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Văn hóa ẩm thực trong du lịch	2	Văn hóa ẩm thực	2	8,4	Được miễn giảm
8	2008250074	Nguyễn Minh	Đạt	16DHSH06	Kỹ năng học đại học	3	Kỹ năng học tập đại học	2	8,5	Được miễn giảm
9	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Kỹ năng giao tiếp	2	Kỹ năng giao tiếp	2	6,0	Được miễn giảm
10	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7,8	Được miễn giảm
11	2029250253	Trần Lê Ánh	Ngọc	16DHAV05	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7,9	Được miễn giảm
12	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Tâm lý giao tiếp	3	Kỹ năng giao tiếp	2	7,5	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
5. Khoa: Khoa học ứng dụng										
1	2024189001	Nguyễn Bảo	Anh	09DHHD_LV	Toán cao cấp C1	3	Toán cao cấp C1	3	8,8	Được miễn giảm
2	2039240078	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15DHTQ07	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	9,5	Được miễn giảm
3	2002250380	Thái Nhựt	Phuong	16DHDT03	Phương pháp nghiên cứu	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7,5	Được miễn giảm
4	2023226004	Trần Bích	Thảo	13DHNH03	Toán cao cấp	3	Toán cao cấp C1	3	8,1	Được miễn giảm
5	2001221011	Trương Minh	Thoại	13DHTH01	Đại số tuyến tính	2	Đại số tuyến tính	2	9,4	Được miễn giảm
6	2001221011	Trương Minh	Thoại	13DHTH01	Giải tích I	3	Giải tích	3	8,2	Được miễn giảm
7	2023250334	Nguyễn Xuân	Vinh	16DHNH04	Toán cao cấp	3	Giải tích và ứng dụng trong kinh tế	3	6,7	Được miễn giảm
6. Khoa: Luật										
1	2024189001	Nguyễn Bảo	Anh	09DHHD_LV	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	6,4	Được miễn giảm
2	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	6,7	Được miễn giảm
3	2008250074	Nguyễn Minh	Đạt	16DHSH06	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	5,3	Được miễn giảm
4	2029250148	Phạm Thị Ngọc	Huyền	16DHAV03	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	8,8	Được miễn giảm
5	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	2	7,3	Được miễn giảm
6	2007250188	Nguyễn Khánh	Lực	16DHKT07	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	9,5	Được miễn giảm
7	2029250253	Trần Lê Ánh	Ngọc	16DHAV05	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	7,3	Được miễn giảm
8	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	2	7,3	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
9	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Luật kinh tế	3	Luật kinh tế	2	8,2	Được miễn giảm
10	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	6,8	Được miễn giảm
11	2026250238	Huỳnh Hiệp	Phú	16DHVL02	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	7,2	Được miễn giảm
12	2047250153	Phan Huỳnh Thiên	Phú	16DHQTCCU01	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	8,1	Được miễn giảm
13	2023226004	Trần Bích	Thảo	13DHNH03	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	2	7,4	Được miễn giảm
14	2023222411	Nguyễn Vũ Thu	Trang	13DHNH03	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	8,0	Được miễn giảm
15	2023250334	Nguyễn Xuân	Vinh	16DHNH04	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	2	7,6	Được miễn giảm
16	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	7,6	Được miễn giảm
7. Khoa: Lý luận chính trị										
1	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8,7	Được miễn giảm
2	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,0	Được miễn giảm
3	2024189001	Nguyễn Bảo	Anh	09DHHD_LV	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac- Lênin 1	2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lênin 1	2	8,1	Được miễn giảm
4	2034250012	Trần Gia	Bảo	16DHNA01	Ho Chi Minh's Ideology	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,0	Được miễn giảm
5	2034250012	Trần Gia	Bảo	16DHNA01	Political Economics of Marxism and Leninism	2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	8,7	Được miễn giảm
6	2034250012	Trần Gia	Bảo	16DHNA01	Scientific Socialism	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,4	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
7	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,6	Được miễn giảm
8	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,0	Được miễn giảm
9	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	8,6	Được miễn giảm
10	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	8,8	Được miễn giảm
11	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	8,2	Được miễn giảm
12	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,6	Được miễn giảm
13	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,9	Được miễn giảm
14	2008250074	Nguyễn Minh	Đạt	16DHSH06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	5,9	Được miễn giảm
15	2008250074	Nguyễn Minh	Đạt	16DHSH06	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,8	Được miễn giảm
16	2008250074	Nguyễn Minh	Đạt	16DHSH06	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	5,4	Được miễn giảm
17	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	5,9	Được miễn giảm
18	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	6,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
19	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6,7	Được miễn giảm
20	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5,9	Được miễn giảm
21	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	4,9	Được miễn giảm
22	2039240078	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15DHTQ07	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,7	Được miễn giảm
23	2039240078	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15DHTQ07	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,4	Được miễn giảm
24	2039240078	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15DHTQ07	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,2	Được miễn giảm
25	2039240078	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15DHTQ07	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6,7	Được miễn giảm
26	2013250116	Đỗ Sỹ	Hiếu	16DHQTKD03	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,5	Được miễn giảm
27	2013250116	Đỗ Sỹ	Hiếu	16DHQTKD03	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,0	Được miễn giảm
28	2028240047	Nguyễn Thị Kim	Huệ	15DHDD02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,7	Được miễn giảm
29	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,5	Được miễn giảm
30	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,0	Được miễn giảm
31	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6,3	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
32	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5,8	Được miễn giảm
33	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,3	Được miễn giảm
34	2007250188	Nguyễn Khánh	Lực	16DHKT07	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	9,4	Được miễn giảm
35	2007250188	Nguyễn Khánh	Lực	16DHKT07	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,9	Được miễn giảm
36	2007250188	Nguyễn Khánh	Lực	16DHKT07	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	8,5	Được miễn giảm
37	2007250188	Nguyễn Khánh	Lực	16DHKT07	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,1	Được miễn giảm
38	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	9,1	Được miễn giảm
39	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,0	Được miễn giảm
40	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	8,5	Được miễn giảm
41	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,7	Được miễn giảm
42	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,2	Được miễn giảm
43	2006250159	Nguyễn Hồng	Ngọc	16DHCBS07	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8,0	Được miễn giảm
44	2006250159	Nguyễn Hồng	Ngọc	16DHCBS07	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
45	2029250253	Trần Lê Ánh	Ngọc	16DHAV05	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	9,1	Được miễn giảm
46	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7,5	Được miễn giảm
47	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7,2	Được miễn giảm
48	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	4,2	Được miễn giảm
49	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5,4	Được miễn giảm
50	2022250134	Trần Thảo	Nguyên	16DHDB04	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,4	Được miễn giảm
51	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	7,5	Được miễn giảm
52	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,3	Được miễn giảm
53	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	5,1	Được miễn giảm
54	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	4,4	Được miễn giảm
55	2001221011	Trương Minh	Thoại	13DHTH01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,5	Được miễn giảm
56	2034250139	Nguyễn Anh	Thư	16DHNA01	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,3	Được miễn giảm
57	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	6,8	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
58	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	9,1	Được miễn giảm
59	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	7,5	Được miễn giảm
60	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8,5	Được miễn giảm
61	2039230295	Nguyễn Phan Trần Hoàng	Uyên	14DHTQ04	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8,2	Được miễn giảm
62	2039230295	Nguyễn Phan Trần Hoàng	Uyên	14DHTQ04	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	7,4	Được miễn giảm
63	2006250160	Nguyễn Ngọc Thế	Vinh	16DHCDTS02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,0	Được miễn giảm
64	2006250160	Nguyễn Ngọc Thế	Vinh	16DHCDTS02	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,0	Được miễn giảm
65	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	6,4	Được miễn giảm
66	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	6,6	Được miễn giảm
8. Khoa: Ngoại ngữ										
1	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Anh văn 1	2	Anh văn 1	2	8,7	Được miễn giảm
2	2040229003	Đỗ Hồng Huy	Cường	13DHQTMK02	Tiếng Anh 1	4	Anh văn 1	3	8,0	Được miễn giảm
3	2040229003	Đỗ Hồng Huy	Cường	13DHQTMK02	Tiếng Anh 3	4	Anh văn 3	3	7,0	Được miễn giảm
4	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Anh văn 1	3	Anh văn 1	2	6,9	Được miễn giảm
5	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Anh văn 2	3	Anh văn 2	2	7,0	Được miễn giảm
6	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Anh văn 3	3	Anh văn 3	2	7,5	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
7	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng đọc cơ bản	3	Đọc 1	2	8,8	Được miễn giảm
8	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng đọc nâng cao	3	Đọc 3	2	9,5	Được miễn giảm
9	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng đọc trung cấp	3	Đọc 2	2	8,5	Được miễn giảm
10	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng ghi chép	3	Nghe 3	2	9,5	Không miễn giảm
11	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng nghe nâng cao	3	Nghe 2	2	9,3	Được miễn giảm
12	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng nghe nói cơ bản	3	Nói 1	2	9,0	Được miễn giảm
13	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng nghe, nói trung cấp	3	Nói 2	2	8,8	Được miễn giảm
14	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng thảo luận	3	Nói 3	2	8,0	Được miễn giảm
15	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng viết câu văn	3	Viết 1	2	9,5	Được miễn giảm
16	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Kỹ năng viết đoạn văn	3	Viết 3	2	8,3	Được miễn giảm
17	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Luyện ngữ âm tiếng Anh	3	Luyện âm	2	7,5	Được miễn giảm
18	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Ngữ pháp tiếng Anh	3	Ngữ pháp	3	8,8	Được miễn giảm
19	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Anh văn 1	3	Anh văn 1	2	7,1	Được miễn giảm
20	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Anh văn 2	3	Anh văn 2	2	7,2	Được miễn giảm
21	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Anh văn 3	3	Anh văn 3	2	7,1	Được miễn giảm
22	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Tiếng Anh 1	4	Anh văn 1	2	8,6	Được miễn giảm
23	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Tiếng Anh 2	4	Anh văn 2	2	7,6	Được miễn giảm
24	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Tiếng Anh 3	4	Anh văn 3	2	8,3	Được miễn giảm
25	2022250134	Trần Thảo	Nguyễn	16DHDB04	Anh văn 1	3	Anh văn 1	2	4,0	Được miễn giảm
26	2022250134	Trần Thảo	Nguyễn	16DHDB04	Anh văn 3	3	Anh văn 3	2	6,1	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
27	2001240579	Phạm Tấn	Tú	15DHTH03	Anh văn 1	3	Anh văn 1	2	7,4	Được miễn giảm
28	2023222411	Nguyễn Vũ Thu	Trang	13DHNH03	Tiếng Anh 1	4	Anh văn 1	3	7,8	Được miễn giảm
29	2023222411	Nguyễn Vũ Thu	Trang	13DHNH03	Tiếng Anh 2	4	Anh văn 2	3	7,9	Được miễn giảm
30	2023222411	Nguyễn Vũ Thu	Trang	13DHNH03	Tiếng Anh 3	4	Anh văn 3	3	7,8	Được miễn giảm
31	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHCTL10	Anh văn 1	3	Anh văn 1	2	8,8	Được miễn giảm
9. Khoa: Quản trị kinh doanh										
1	2024189001	Nguyễn Bảo	Anh	09DHHD_LV	Quản trị học	2	Quản trị học	2	6,2	Được miễn giảm
2	2040229003	Đỗ Hồng Huy	Cường	13DHQTMT02	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	5,7	Được miễn giảm
3	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	7,0	Được miễn giảm
4	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	5,6	Được miễn giảm
5	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Quản trị học	2	Quản trị học	2	8,8	Được miễn giảm
6	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Quản trị học	3	Quản trị học	2	9,5	Được miễn giảm
7	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	6,5	Được miễn giảm
8	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	4,7	Được miễn giảm
9	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	5,9	Được miễn giảm
10	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	7,1	Được miễn giảm
11	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	7,8	Được miễn giảm
12	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	6,5	Được miễn giảm
13	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Quản trị học	2	Quản trị học	2	7,9	Được miễn giảm
14	2013230365	Hoàng Diệu Anh	Nhi	14DHQTKD10	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	7,5	Được miễn giảm
15	2013230365	Hoàng Diệu Anh	Nhi	14DHQTKD10	Quản trị học	3	Quản trị học	2	6,8	Được miễn giảm
16	2023226004	Trần Bích	Thảo	13DHNH03	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	8,8	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
17	2023222411	Nguyễn Vũ Thu	Trang	13DHNH03	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	6,7	Được miễn giảm
18	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	8,6	Được miễn giảm
19	2023250334	Nguyễn Xuân	Vinh	16DHNH04	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	8,0	Được miễn giảm
20	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Kinh tế lượng	3	Kinh tế lượng	3	5,1	Được miễn giảm
21	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Kinh tế vi mô	3	Kinh tế vi mô	3	6,2	Được miễn giảm
22	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Kinh tế vĩ mô	3	Kinh tế vĩ mô	3	7,5	Được miễn giảm
23	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Quản trị học	3	Quản trị học	2	8,2	Được miễn giảm
24	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Thống kê ứng dụng	3	Thống kê ứng dụng	3	7,5	Được miễn giảm
10. Khoa: Tài chính kế toán										
1	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Ngân hàng thương mại 1	3	Ngân hàng thương mại	3	7,5	Được miễn giảm
2	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	6,1	Được miễn giảm
3	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Nhập môn Fintech	2	Nhập môn Fintech	2	5,0	Được miễn giảm
4	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính doanh nghiệp	3	7,1	Được miễn giảm
5	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Nguyên lý tài chính và ngân hàng	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	8,5	Được miễn giảm
6	2023250168	Trần Thị Hồng	Ngọc	16DHNH01	Tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính doanh nghiệp	3	8,9	Được miễn giảm
7	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Kế toán tài chính 1	4	Kế toán tài chính 1	4	6,9	Được miễn giảm
8	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	8,3	Được miễn giảm
9	2023226004	Trần Bích	Thảo	13DHNH03	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	6,8	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
10	2023226004	Trần Bích	Thảo	13DHNH03	Nguyên lý kế toán	3	Nguyên lý kế toán	3	8,6	Được miễn giảm
11	2023250334	Nguyễn Xuân	Vinh	16DHNH04	Nguyên lý tài chính và ngân hàng	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	7,0	Được miễn giảm
12	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Kế toán đại cương	3	Nguyên lý kế toán	3	6,6	Được miễn giảm
11. Khoa Thương mại										
1	2040229003	Đỗ Hồng Huy	Cường	13DHQMT02	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	2	6,7	Được miễn giảm
2	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Marketing căn bản	2	Marketing căn bản	2	9,7	Được miễn giảm
3	2007222604	Đoàn Thị Nữ	Nhân	13DHKT01	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	2	7,1	Được miễn giảm
4	2013230365	Hoàng Diệu Anh	Nhi	14DHQTKD10	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	2	7,2	Được miễn giảm
5	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	2	7,9	Được miễn giảm
6	2040220411	Mai Phạm Khánh	Vy	13DHQTMK03	Marketing quốc tế	3	Marketing quốc tế	2	6,9	Được miễn giảm
12. Khoa Giáo dục thể chất và Quốc phòng an ninh										
1	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
2	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
3	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
4	2004250031	Lê Mỹ	Anh	16DHHH02	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
5	2037240013	Lê Thị Quỳnh	Anh	15DHKT01	Giáo dục thể chất	3	Giáo dục thể chất 1	2	8,2	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
6	2037240013	Lê Thị Quỳnh	Anh	15DHKT01	LT- Giáo dục quốc phòng TH-Giáo dục quốc phòng	53	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
7	2024189001	Nguyễn Bảo	Anh	09DHHD_LV	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2019		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
8	2034250012	Trần Gia	Bảo	16DHNA01	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
9	2038211868	Vũ	Bảo	12DHQTKS05	Bản sao CC GDQP-AN, năm 2019		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
10	2023240033	Đinh Thanh	Bình	15DHNH05	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
11	2008250058	Trịnh Vĩnh	Cát	16DHS03	Mất trái bị hỏng		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
12	2008250058	Trịnh Vĩnh	Cát	16DHS03	Mất trái bị hỏng		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
13	2040229003	Đỗ Hồng Huy	Cường	13DHQMT02	GDTC - Thẻ hình thâm mỹ 3	1	Giáo dục thể chất 3 (Thẻ hình)	1	8,5	Được miễn giảm
14	2005250046	Chung Minh	Châu	16DHT04	Bị bệnh tim		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	1 2	MT	Không miễn giảm
15	2013226002	Nguyễn Thị Phú	Diễm	13DHQTKT02	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
16	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất 3	1	9,5	được miễn giảm
17	2038219001	Hà Thị Mỹ	Dung	11DHQTKS04	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2	1 1	Giáo dục thể chất 2	2	9,8	Được miễn giảm
18	2022240033	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15DHDB03	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2023		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
19	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
20	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
21	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
22	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
23	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Giáo dục thể chất 1 (bóng chuyền)	2	Giáo dục thể chất 1 (bóng chuyền)	2	6,0	Được miễn giảm
24	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)	2	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)	2	5,4	Được miễn giảm
25	2023250357	Trần Tiến	Đạt	16DHNH04	Giáo dục thể chất 3 (bóng chuyền)	1	Giáo dục thể chất 3 (bóng chuyền)	1	5,2	được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
26	2039240078	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15DHTQ07	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2022		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
27	2039240078	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	15DHTQ07	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	1,5	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật)	1	8,0	Được miễn giảm
28	2013250116	Đỗ Sỹ	Hiếu	16DHQTKD03	Giáo dục quốc phòng - an ninh	4	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	7,0	Được miễn giảm
29	2013250116	Đỗ Sỹ	Hiếu	16DHQTKD03	Thể dục 1	2	Giáo dục thể chất 1	2	7,0	Được miễn giảm
30	2013250116	Đỗ Sỹ	Hiếu	16DHQTKD03	Thể dục 2	2	Giáo dục thể chất 2	2	9,0	Được miễn giảm
31	2001250177	Nguyễn	Hoàng	16DHTH05	Chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	1 2	MT	Được miễn giảm
32	2029250148	Phạm Thị Ngọc	Huyền	16DHAV03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	7,3	Được miễn giảm
33	2029250148	Phạm Thị Ngọc	Huyền	16DHAV03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	7,5	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
34	2029250148	Phạm Thị Ngọc	Huyền	16DHAV03	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	6,6	Được miễn giảm
35	2028230031	Trần Thị Thu	Huyền	14DHDD02	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2018		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
36	2033250107	Nguyễn Đỗ Nhựt	Khoa	16DHBM05	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2023		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
37	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
38	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Thẻ hình - Thẩm mỹ 1	2	Giáo dục thể chất 1 (Thẻ hình)	2	7,0	Được miễn giảm
39	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Thẻ hình - Thẩm mỹ 2	2	Giáo dục thể chất 2 (Thẻ hình)	2	10,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
40	2029230701	Đàm Lê Ngọc	Lan	14DHAV01	Thế hình - Thẩm mỹ 3	1	Giáo dục thể chất 3 (Thế hình)	1	9,0	Được miễn giảm
41	2007250188	Nguyễn Khánh	Lực	16DHKT07	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
42	2041250079	Huỳnh Tú	Mai	16DHQTP04	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
43	2008250226	Lương Huỳnh Hải	My	16DHS02	Bị bệnh tim		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
44	2008250226	Lương Huỳnh Hải	My	16DHS02	Bị bệnh tim		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
45	2022250114	Ngô Trung	Nam	16DHDB02	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2018		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
46	2013240198	Võ Phương	Nam	15DHQTKD02	QĐ Hoàn thành nghĩa vụ tham gia lực lượng Công an xã		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	1 2	MT	Không miễn giảm
47	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
48	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
49	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
50	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
51	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Giáo dục thể chất 1 (Võ thuật)	2	Giáo dục thể chất 1 (Võ thuật)	2	5,2	Được miễn giảm
52	2044240187	Lê Thị Tuyết	Ngân	15DHTMDT01	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	2	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật)	2	6,2	Được miễn giảm
53	2005250238	Nguyễn Thu	Ngân	16DHTP02	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
54	2006250176	Đỗ Trương Trọng	Nghĩa	16DHCBS02	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
55	2006250159	Nguyễn Hồng	Ngọc	16DHCBS07	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2025		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
56	2029250253	Trần Lê Ánh	Ngọc	16DHAV05	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
57	2022250134	Trần Thảo	Nguyễn	16DHDB04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	6,5	Được miễn giảm
58	2022250134	Trần Thảo	Nguyễn	16DHDB04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	6,0	Được miễn giảm
59	2022250134	Trần Thảo	Nguyễn	16DHDB04	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	6,0	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
60	2026250313	Nguyễn Phúc	Nhân	16DHVL04	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2010		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
61	2038250287	Bùi Nguyễn Phương	Nhi	16DHQTKS08	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
62	2029212910	Mai Lê Hồng	Nhung	12DHAV02	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2022		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
63	2024210300	Nguyễn Tấn	Phát	12DHQTDVLH01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	6,6	Được miễn giảm
64	2024210300	Nguyễn Tấn	Phát	12DHQTDVLH01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	8,0	Được miễn giảm
65	2024210300	Nguyễn Tấn	Phát	12DHQTDVLH01	Giáo dục thể chất 1 (Bơi)	2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi)	2	8,2	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
66	2044240261	Liêu Chí	Phong	15DHTMDT06	Giấy chứng nhận hoàn thành GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
67	2047240078	Hồ Triệu	Phú	15DHQTCCU02	Giáo dục quốc phòng - an ninh - HP1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	6,6	Được miễn giảm
68	2047240078	Hồ Triệu	Phú	15DHQTCCU02	Giáo dục quốc phòng - an ninh - HP2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	6,2	Được miễn giảm
69	2047240078	Hồ Triệu	Phú	15DHQTCCU02	Giáo dục quốc phòng - an ninh - HP3	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	7,3	Được miễn giảm
70	2047240078	Hồ Triệu	Phú	15DHQTCCU02	Giáo dục quốc phòng - an ninh - HP4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	7,5	Được miễn giảm
71	2047250153	Phan Huỳnh Thiên	Phú	16DHQTCCU01	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2022		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
72	2001250435	Phan Huỳnh	Phúc	16DHTH09	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
73	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Giáo dục thể chất 2 (cầu lông)	2	Giáo dục thể chất 2 (cầu lông)	2	5,4	Được miễn giảm
74	2029240312	Nguyễn Trúc	Phương	15DHAV06	Giáo dục thể chất 3 (cầu lông)	1	Giáo dục thể chất 3 (cầu lông)	1	7,0	Được miễn giảm
75	2002250380	Thái Nhựt	Phương	16DHDT03	Công tác quốc phòng và an ninh	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	7,7	Được miễn giảm
76	2002250380	Thái Nhựt	Phương	16DHDT03	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	6,7	Được miễn giảm
77	2002250380	Thái Nhựt	Phương	16DHDT03	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	7,5	Được miễn giảm
78	2002250380	Thái Nhựt	Phương	16DHDT03	Quân sự chung	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	7,5	Được miễn giảm
79	2026250240	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	16DHVL03	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
80	2003209001	Nguyễn Hoài	Thanh	11DHCK1	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
81	2023226004	Trần Bích	Thảo	13DHNH03	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
82	2026250168	Trần Thành	Thông	16DHVL03	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
83	2005250436	Lâm Nhã	Thơ	16DHTP05	Bị bệnh thoái hóa đĩa đệm cột sống		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm: GDQP-AN 3 và GDQP-AN4
84	2034250139	Nguyễn Anh	Thư	16DHNA01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	được miễn giảm
85	2034250139	Nguyễn Anh	Thư	16DHNA01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
86	2034250139	Nguyễn Anh	Thư	16DHNA01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
87	2034250139	Nguyễn Anh	Thư	16DHNA01	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
88	2025250178	Nguyễn Cẩm Vân	Thư	16DHDD03	Giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
89	2007240547	Đỗ Thị Thanh	Trang	15DHKT08	Chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	1 2	MT	Được miễn giảm
90	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	MT	Được miễn giảm
91	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	2	MT	Được miễn giảm
92	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
93	2037240498	Khổng Nguyễn Minh	Trâm	15DHKTL10	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2	MT	Được miễn giảm
94	2033250255	Nguyễn Quốc	Triển	16DHBM05	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2024		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
95	2001250609	Huỳnh Quốc	Trung	16DHTH02	Giấy chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
96	2033230317	Phan Trung	Trúc	14DHDB03	Chứng nhận khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	1 2	MT	Được miễn giảm
97	2039230295	Nguyễn Phan Trần Hoàng	Uyên	14DHTQ04	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2023		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm
98	2044240433	Trương Thị Thảo	Vân	15DHTMDT07	Khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
99	2044240433	Trương Thị Thảo	Vân	15DHTMDT07	Khuyết tật		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
100	2006250160	Nguyễn Ngọc Thế	Vinh	16DHCDTS02	Chứng chỉ GDQP-AN, năm 2025		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Stt	Masv	Họ	tên	Lớp	Học phần đã học/Lý do xin miễn		Học phần miễn giảm (theo CTĐT của HUIT)		Điểm hệ 10	Kết quả xét tại Khoa QLHP
					Tên học phần	Số TC	Tên học phần	Số tín chỉ		
101	2005208272	Nguyễn Xuân	Vượng	11DHTP16	Quân nhân xuất ngũ, năm 2023		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	1	MT	Được miễn giảm
102	2005208272	Nguyễn Xuân	Vượng	11DHTP16	Quân nhân xuất ngũ, năm 2023		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	2	MT	Được miễn giảm
103	2004250750	Trần Ngọc Như	Ý	16DHHH07	Giấy xác nhận hoàn thành chương trình GDQP-AN		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1 Giáo dục quốc phòng - an ninh 2 Giáo dục quốc phòng - an ninh 3 Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3 2 1 2	MT	Được miễn giảm

Tổng danh sách: 303 trường hợp

Được miễn giảm: 300

Không miễn giảm: 03